

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 157/2021/HSST.

Ngày: 01-11-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Ngọc Giang San.

+ Ông Nguyễn Mạnh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 139/2021/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh B. Tên gọi khác: Cọ, sinh năm 1980 tại Tây Ninh; Nơi đăng ký thường trú: D7, tổ 26, khu phố 3, phường LBT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; Nơi sinh sống hiện nay: D7, tổ 26, khu phố 3, phường LBT, thành phố BH, tỉnh ĐN; Nghề nghiệp: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 01/12; con ông Nguyễn Thanh Ng, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Danh Kim H, sinh năm 1950 (đã chết); Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị can là con thứ hai; có vợ: Lê Thị Thanh T (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2002; Tiền án: 05 tiền án.

- Ngày 07/7/2004 bị Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS năm 1999.

- Ngày 10/8/2006 bị Tòa án nhân dân Thị xã Thủ Dầu Một xử phạt 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999, bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Th 5.700.000 đồng, nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 285.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ngày

26/12/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS năm 1999. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo B chấp hành hình phạt của 02 bản án là 05 năm 06 tháng tù, bồi thường cho các bị hại Nguyễn Văn C số tiền 9.500.000 đồng, bị hại Đặng Ngọc M 1.600.000 đồng, nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. B chấp hành xong hình phạt của hai bản án vào ngày 23/7/2010, đã nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm của hai bản án, chưa nộp 285.000 đồng án phí dân sự. Riêng số tiền bồi thường cho các bị hại T, C và M thì B chưa nộp và các bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án (Bút lục số 79-90, 110).

- Ngày 30/8/2011 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999, bồi thường cho bị hại Huỳnh Trọng H số tiền 3.360.000 đồng, trả lại cho bị hại Phạm Văn H số tiền 2.000.000 đồng. B chấp hành xong án phạt tù vào ngày 27/4/2014. B được miễn số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 268.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định miễn số 92/QĐ-TA ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Bị hại Huỳnh Trọng H và Phạm Văn H không có đơn yêu cầu thi hành án (Bút lục số 91-96, 99, 110).

- Ngày 06/01/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999, trả lại cho bị hại Nguyễn Tấn Th số tiền 2.200.000 đồng. B chấp hành xong án phạt tù vào ngày 23/9/2017. B chưa nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị hại Th không có đơn yêu cầu thi hành án (Bút lục số 100-103, 111).

- Ngày 07/02/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 138 BLHS (theo lời khai của B thì B chấp hành xong án phạt tù vào tháng 22/10/2020. B chưa nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, chưa nộp 8.190.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và chưa bồi thường số tiền 163.800.000 đồng cho bị hại là Cty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng TM (Bút lục số 104-109).

Tiền sự: Không

Bị can bị tạm giữ từ ngày 15/3/2021 và chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành. (Có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Phước N, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: 52/10, quốc lộ 1A, khu Phố 1, P.TP, thành phố TĐ, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1983.(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, khu PH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh B không có nghề nghiệp và đã có 05 tiền án đều về hành vi chiếm đoạt tài sản. Từ tháng 02/2021 đến ngày 03/3/2021, tại địa bàn huyện LT, tỉnh Đồng Nai và địa bàn quận TĐ thành phố Hồ Chí Minh, B đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tiền cước xe và điện thoại của các bị hại Nguyễn Phước N và Nguyễn Văn K. Cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng tháng 02/2021 (không rõ ngày), B được một chủ quán nước (không rõ nhân thân, lai lịch) ở Xa Lộ HN, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh cho số điện thoại của anh Nguyễn Phước N (tài xế chạy xe dịch vụ). Do không có tiền tiêu xài nên B nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của anh N. Thực hiện ý định, B gọi điện thoại cho anh N thỏa thuận chở B từ Xa Lộ HN, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh về Cổng 11 thành phố BH, tỉnh Đồng Nai rồi đi lên chợ АД thuộc quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 700.000 đồng, anh N đồng ý. Khi đến Chợ АД, anh N đợi ở ngoài, còn B vào trong chợ ăn sáng, uống cà phê. Khoảng 30 phút sau B quay lại chỗ anh N nói dối đã trả hết tiền hàng mà khách hàng đòi lì xì nên B hỏi mượn anh N số tiền 900.000 đồng khi về sẽ trả cho anh N. Anh N tưởng thật đưa cho B 900.000 đồng, B cầm tiền đi chợ АД chơi khoảng 15 phút rồi quay lại chỗ anh N nói dối điện thoại của B đã hết pin, muốn mượn điện thoại hiệu Oppo F1S của anh N để liên lạc với khách hàng. Sau khi có điện thoại, B giả vờ ra phía sau xe ô tô của anh N để nghe điện thoại rồi bỏ trốn. B bán chiếc điện thoại trên cho sạp bán điện thoại ven đường ở thành phố Hồ Chí Minh (không xác định được địa chỉ) với giá 400.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Ngày 03/3/2021, B gọi điện đến tổng đài taxi Long Thành yêu cầu chở B từ Ngã Ba NT thuộc ấp XG, xã LA, huyện LT đến thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó anh Nguyễn Văn K (tài xế chạy xe dịch vụ với hình thức nhượng quyền thương hiệu taxi Long Thành) đến và thỏa thuận tiền cước xe là 1.500.000 đồng. Để anh K tin tưởng cho mượn tiền, B yêu cầu anh K chở đến N khu chợ khác nhau của Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó nói dối đến chợ để mua hàng hóa. Khi đến chợ BT, anh K đợi ở ngoài, B vào trong chợ chơi được khoảng 15 phút thì gọi điện cho anh K nói dối B đã mua hàng hóa hết tiền, muốn mượn anh K 1.000.000 đồng và hứa khi về đến Long Thành, B sẽ trả cho anh K. Sau khi anh K đưa tiền, B vào chợ đợi khoảng 15 phút rồi tiếp tục gọi điện hỏi anh K mượn thêm 500.000 đồng nhưng anh K nói không có nên B tắt máy điện thoại và đón xe buýt về ngã tư VT, tỉnh Đồng Nai bỏ trốn. Đến 09 giờ ngày 15/3/2021, khi B đang ở cổng siêu thị Vincom thuộc thị trấn LT, huyện LT thì bị anh K phát hiện bắt giữ giao cho Công an xã LA, huyện Long Thành.

Ngoài ra, quá trình điều tra B khai nhận với thủ đoạn tương tự như trên B còn 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền và tiền cước xe của tài xế, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã ra thông báo truy tìm bị hại nhưng hiện không xác định được bị hại. Cụ thể:

- Vào khoảng tháng 02/2021 (không rõ ngày), tại ngã ba SĐ thuộc huyện LT, tỉnh Đồng Nai; B yêu cầu tài xế taxi LT (không xác định được nhân thân, lai lịch) chở đến chợ BD thuộc tỉnh BD (tiền cước tính theo công tơ mét trên xe). B vào trong chợ chơi khoảng 15 phút sau đó yêu cầu tài xế chở về chợ TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 15 phút sau khi vào chợ TH, B quay ra gặp người tài xế này, nói dối mượn 220.000 đồng để trả tiền mua đồ còn thiếu rồi bỏ trốn.

- Vào khoảng trước tết nguyên đán 2021 (không rõ thời gian cụ thể), B thỏa thuận với một người đàn ông tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) chạy xe dịch vụ với hình thức nhượng quyền thương hiệu taxi LT chở tham quan ở tỉnh VL với giá 1.500.000 đồng/01 ngày. Tuy nhiên, sau khi tham quan được 04 ngày, B không trả tiền mà tắt điện thoại và bỏ trốn về thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Đối với 02 lần này, do chưa xác định được bị hại nên không đủ cơ sở xác định, truy cứu trách nhiệm hình sự, cần tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 41 ngày 27/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện LT kết luận: “01 ĐTDĐ hiệu Oppo F1S, 32GB trị giá 1.750.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ, tài sản, vật chứng: 01 ĐTDĐ hiệu Oppo F1S do B chiếm đoạt của anh N đã bán cho người không rõ tên, địa chỉ nên không thu hồi được

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn K không yêu cầu bồi thường, bị hại Nguyễn Phước N yêu cầu B bồi thường tổng số tiền 3.350.000 đồng.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Nguyễn Thanh B đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu, vật chứng thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 146/CT-VKSLT ngày 02/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thanh B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh B đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị hại, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thanh B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu, vật chứng thu thập tại hồ sơ vụ án, thể hiện từ tháng 02 đến tháng 3 năm 2021 tại quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh và tại huyện LT, tỉnh Đồng Nai, bị cáo B hai lần có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền cước xe, tiền mặt và điện thoại của bị hại anh Nguyễn Phước N và anh Nguyễn Văn K với tổng số tiền và tài sản hai lần bị cáo chiếm đoạt là 5.850.000 đồng (chiếm đoạt của anh N 3.350.000 đồng, chiếm đoạt của anh K 2.500.000 đồng). Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi có 05 tiền án chưa được xóa án tích. Vì vậy có đầy đủ chứng cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật bị nghiêm cấm, bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, có 05 tiền án chưa được xóa án tích, vì muốn có tiền tiêu xài nhưng chạy lười lao động nên bị cáo bất chấp sự trừng trị của pháp luật và tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, cho thấy bị cáo là người khó cải tạo, giáo dục và thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn và xử phạt mức án nghiêm tương xứng với hành vi, hậu quả bị cáo gây ra để tiếp tục cải tạo, giáo dục bị cáo

trở thành người công dân tốt cho gia đình, xã hội và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình.

[4] Về vật chứng vụ án: 01 ĐTDĐ hiệu Oppo F1S do B chiếm đoạt của anh N đã bán cho người không rõ tên, địa chỉ nên không thu hồi được, buộc bị cáo phải bồi thường lại cho bị hại N.

[5] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại anh Nguyễn Văn K không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Tại phiên tòa bị hại anh Nguyễn Phước N yêu cầu bị cáo bồi thường 3.350.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng), bị cáo đồng ý nên ghi nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 584, Điều 589, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh B 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2021 bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Phước N số tiền 3.350.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Đối với bị hại anh Nguyễn Văn K không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại Nguyễn Phước N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. LT (1);
- Công an H. LT (3);
- Chi cục THADS H. LT (1);
- Bị cáo (1); Bị hại (2);
- Lưu (6).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà